

NỘI DUNG KIẾN THỨC MÔN NGỮ VĂN LỚP 8

(Chương trình học tuần 34,35 và 36)

Tuần 34

VĂN BẢN TƯỜNG TRÌNH

I. Đặc điểm của văn bản tường trình

(Học sinh đọc các văn bản trong SGK)

1. Trong các văn bản trên, người viết tường trình là học sinh.

+ Văn bản 1: viết nhằm tường trình việc nộp bài chậm xin nộp bài muộn.

+ Văn bản 2: viết nhằm tường trình việc nhầm lẫn xe đạp mong nhà trường tìm giúp chiếc xe của mình.

2. Nội dung và thể thức bản tường trình.

- Văn bản 1:

+ Trình bày sự việc liên quan đến bản thân (phải chăm sóc bố bị ốm nên xin nộp bài trễ).

+ Trình bày theo hình thức văn bản hành chính.

- Văn bản 2:

+ Trình bày sự việc xảy ra liên quan đến việc bị lấy nhầm xe.

+ Trình bày theo hình thức văn bản hành chính.

3. Người viết văn bản tường trình cần phải có thái độ thành thực, nghiêm túc, khách quan.

4. Một số trường hợp cần viết bản tường trình trong học tập và sinh hoạt ở trường:

- Tường trình khi bị mất tiền trong lớp.

- Tường trình về việc gây sự đánh nhau với bạn.

- Tường trình về việc bỏ giờ học.

II. Cách làm văn bản tường trình

1. Những tình huống cần viết văn bản tường trình.

Các tình huống cần phải viết bản tường trình:

a, Lớp em tự ý tổ chức đi tham quan mà không xin phép thầy cô chủ nhiệm.

- Lớp trưởng là người viết và gửi cô giáo chủ nhiệm và thầy Hiệu trưởng cùng Ban giám hiệu trường.

b, Em làm hỏng dụng cụ thí nghiệm trong giờ thực hành.

- Học sinh là người viết và gửi thầy/ cô giáo phụ trách giờ học thí nghiệm.

2. Cách làm văn bản tường trình

- a, Thể thức mở đầu văn bản tường trình
- b, Nội dung tường trình
- c, Thể thức kết thúc văn bản tường trình.

LUYỆN TẬP LÀM VĂN BẢN TƯỜNG TRÌNH

I. Ôn tập lí thuyết

1. Mục đích viết tường trình: trình bày thiệt hại hay mức độ trách nhiệm của người tường trình trong các sự việc xảy ra hậu quả cần xem xét.

2. Tường trình và báo cáo có những điểm giống và khác nhau:

+ Giống: đều cùng tuân thủ những thể thức trình bày đầy đủ: thời gian, địa điểm, sự việc, người có liên quan.

+ Khác: Báo cáo thì trình bày những công việc đã làm, đã thực hiện được để người khác được biết. Tường trình: trình bày thiệt hại hoặc mức độ trách nhiệm của người tường trình trong các sự việc xảy ra sự việc cần xem xét lại.

3. Văn bản tường trình phải tuân thủ thể thức và phải trình bày đầy đủ chính xác thời gian, địa điểm, sự việc, họ tên những người có liên quan cùng đề nghị của người viết.

Văn bản tường trình phải có đầy đủ họ tên người gửi, người nhận, địa điểm.

II. Luyện tập

Bài 1 (trang 137 sgk Ngữ văn 8 tập 2):

- a, Trong tình huống này cần phải viết bản kiểm điểm.
- b, Không dùng văn bản tường trình mà dùng Báo cáo kế hoạch thực hiện đại hội.
- c, Không dùng văn bản tường trình mà phải dùng bản Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch.

Bài 2 (trang 137 sgk Ngữ văn 8 tập 2):

Một số tình huống cần viết bản tường trình:

- Các bạn trong lớp phát hiện trong lớp học mất một chiếc bàn và một chiếc ghế học sinh.

- Tường trình việc có ai đó đã vẽ bậy lên bức tường mới được quét vôi.

Bài 3 (trang 137 sgk Ngữ văn 8 tập 2):

Bản tường trình về việc làm hỏng dụng cụ thí nghiệm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 10 tháng 12 năm 2017

BẢN TƯỜNG TRÌNH **Về việc làm hỏng dụng cụ thí nghiệm**

Kính gửi: Cô Nguyễn Thanh Thảo giáo viên phụ trách môn Hóa học.

Em là: Phạm Việt Dũng, học sinh lớp 8A học sinh trường THCS Bình Minh xin phép được tường trình với cô một việc như sau:

Trong giờ học Hóa tiết 2-3 ngày hôm nay do em sơ ý đã làm đổ vỡ 3 ống nghiệm và 1 lọ nước cất. Em xin lỗi cô vì đã không tuân thủ những quy định trong phòng thí nghiệm. Em xin chịu trách nhiệm về lỗi của mình.

Người làm tường trình

(Ký tên)

Phạm Việt Dũng

VĂN BẢN THÔNG BÁO

I. Đặc điểm của văn bản thông báo

Câu 1 (trang 142 sgk Ngữ văn 8 tập 2):

- Trong văn bản 1:

+ Người gửi thông báo: Phó hiệu trưởng Nguyễn Văn Bằng (kí thay Hiệu trưởng trường THCS Hải Nam).

+ Người nhận thông báo: Các giáo viên chủ nhiệm và lớp trưởng các lớp trong toàn trường THCS Hải Nam.

- Trong văn bản 2:

+ Người gửi thông báo: Liên đội trưởng Trần Mai Hoa.

+ Người nhận thông báo: Các chi đoàn TNTP Hồ Chí Minh trong toàn trường THCS Kết Đoàn.

Câu 2 (trang 142 Sgk Ngữ văn 8 tập 2) :

Nội dung thông báo thường là những thông tin cụ thể của cơ quan, đoàn thể, người tổ chức báo cho những người dưới quyền, thành viên đoàn thể, hoặc những người quan tâm tới nội dung thông báo được biết để thực hiện hay tham gia.

Câu 3 (trang 142 sgk Ngữ văn 8 tập 2):

Một số trường hợp cần viết thông báo trong học tập và sinh hoạt ở trường:

- Ngày nghỉ lễ
- Ngày thi hết học kì của từng khối lớp
- Ngày tổ chức hội thi giáo viên giỏi
- Ngày tham quan
- Ngày lao động toàn trường
- Ngày hội diễn văn nghệ
- Ngày có phái đoàn cấp trên về kiểm tra

II. Cách làm văn bản thông báo

1. Tình huống cần làm văn bản thông báo

Những tình huống cần làm thông báo:

b, Sắp tới, nhà trường sẽ tổ chức đợt tổng vệ sinh trong toàn trường để góp phần xây dựng môi trường xanh, sạch, đẹp.

c, Gần cuối năm, Ban chỉ huy liên đội TNTP Hồ Chí Minh muốn triệu tập các Ban chỉ huy chi đội để bàn về việc tổng kết hoạt động của liên đội trong năm nay.

2. Cách làm văn bản thông báo.

- Phải xác định trong tình huống nào cần làm thông báo, tình huống nào không cần làm.

- Bố cục chung của một thông báo thường là:

- + Phần mở đầu
 - + Phần nội dung
 - + Phần kết thúc
-

LUYỆN TẬP LÀM VĂN BẢN THÔNG BÁO

I. Ôn tập lí thuyết

Câu 1 (trang 148 Sgk Ngữ văn 8 tập 2):

Văn bản thông báo là văn bản dùng để truyền đạt thông tin cụ thể của cơ quan, đoàn thể, người tổ chức... cho những người dưới quyền, thành viên, đoàn thể hoặc những người quan tâm tới nội dung thông báo để thực hiện hay tham gia.

Câu 2 (trang 148 sgk Ngữ văn 8 tập 2):

Nội dung và thể thức một văn bản thông báo phải cho biết rõ ai thông báo, thông báo cho ai, nội dung công việc, quy định, thời gian, địa điểm... cụ thể, chính xác.

Văn bản thông báo phải tuân thủ các thể thức hành chính, có ghi tên cơ quan, số công văn, quốc hiệu và tiêu ngữ, tên văn bản, ngày tháng, người nhận, người thông báo, chức vụ người thông báo thì mới có hiệu lực.

Câu 3 (trang 149 sgk Ngữ văn 8 tập 2) :

Văn bản thông báo và văn bản tường trình có những điểm giống và khác nhau:

+ Giống: đều cùng tuân thủ những thể thức trình bày đầy đủ: thời gian, địa điểm, sự việc, người có liên quan.

+ Khác: Báo cáo thì trình bày những công việc đã làm, đã thực hiện được để người khác được biết. Tường trình: trình bày thiệt hại hoặc mức độ trách nhiệm của người tường trình trong các sự việc xảy ra sự việc cần xem xét lại.

II. Luyện tập

Bài 1 (trang 149 sgk Ngữ văn 8 tập 2):

a, Đề cán bộ giáo viên và học sinh toàn trường nắm được kế hoạch tổ chức Lễ kỉ niệm ngày sinh nhật Bác 19/5 Hiệu trưởng cần viết và chuyển đến toàn trường bản:

- Thông báo

b, Hằng ngày, Ban chỉ huy liên đội TNTP Hồ Chí Minh Nhà trường cần biết tình hình hoạt động của các chi đội. Các chi đội cần viết và gửi lên Ban chỉ huy liên đội văn bản:

- Báo cáo

c, Trước khi tiến hành giải phóng mặt bằng, mở rộng tuyến đường giao thông, để bà con nông dân có đất đai hoa màu trên diện tích đó biết được chủ trương trên, Ban quản lí dự án công trình cần viết:

- Thông báo.

Bài 2 (trang 150 Sgk Ngữ văn 8 tập 2):

Những chỗ sai trong văn bản thông báo:

- Nội dung của văn bản chưa phù hợp với tên của văn bản

+ Tên thông báo: kế hoạch kiểm tra

+ Nội dung: Chưa có thời gian thực hiện kế hoạch, ở văn bản trên mới chỉ là yêu cầu lập kế hoạch

- Phía trái cuối văn bản chưa có nơi nhận

Sửa lại văn bản thông báo:

PHÒNG GD & ĐT QUẬN PHÚ NHUẬN

TRƯỜNG THCS PHÚ PHONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO

Về kế hoạch kiểm tra công tác vệ sinh trường học

Kính gửi: Các đồng chí cán bộ và học sinh toàn trường

Để góp phần giữ gìn môi trường xanh, sạch, đẹp, thiết thực Chào mừng Ngày Nhà giáo Việt Nam 20-11, Nhà trường hướng tổ chức kiểm tra công tác vệ sinh trường học từ ngày 15/11 tới ngày 18/11 ở các khu vực sau:

- Kiểm tra vệ sinh ở tất cả các khu vực lớp học, phòng thí nghiệm, thư viện, sân thể thao, nhà vệ sinh, trên cơ sở đó đề xuất các biện pháp thực hiện có kế hoạch vệ sinh học đường trong toàn trường.

Thành phần ban kiểm tra của trường:

- Cô Lê Thị Xoan, Phó Hiệu trưởng của trường

- Thầy Phạm Xuân Thành Bí thư Đoàn THCS

- Các thầy cô chủ nhiệm lớp trưởng, chi đội trưởng và chi đội trưởng các lớp: Ủy viên

Đề nghị Ban kiểm tra của trường sắp xếp kế hoạch và tiến hành công việc đạt kết quả.

Hiệu trưởng

Lê Xuân Vinh

Nơi nhận

- Như trên

- Lưu văn phòng

Bài 3 (trang 150 sgk Ngữ văn 8 tập 2):

Những tình huống trong nhà trường và ngoài xã hội cần viết văn bản thông báo:

- Thông báo nghỉ Tết

- Thông báo di chuyển dân cư giải phóng mặt bằng

- Thông báo cắt điện giờ cao điểm

- Thông báo tổ chức hội thảo khoa học

- Thông báo tuyển dụng

Bài 4 (trang 150 sgk Ngữ văn 8 tập 2):

Thông báo việc nghỉ Tết Dương lịch và Tết Nguyên Đán

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN A

Trường THCS Bình Minh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO

Về việc nghỉ Tết Dương lịch và Tết Nguyên Đán 2017

Để tạo điều kiện cho Cán bộ Nhân viên và học sinh trong toàn trường sắp xếp kế hoạch làm việc, học tập, Trường thông báo lịch nghỉ Tết Dương lịch và Nguyên Đán 2017 được thực hiện như sau:

1. Đối với học sinh:

Được nghỉ Tết Nguyên Đán từ ngày 16/01/2017 đến hết 12/02/2017 (nhằm 19 tháng Chạp năm Bính Thân đến hết ngày 16 tháng Giêng năm Đinh Dậu). Kế hoạch học tập sau khi nghỉ Tết bắt đầu từ ngày 13/02/2017 (nhằm ngày 17 tháng Giêng năm Đinh Dậu theo thông báo số 171/ TB- HBU ban hành ngày 2/11/2016)

2. Đối với cán bộ giáo viên:

a, Tết Dương lịch: Được nghỉ 02 ngày từ ngày 1/1/2017 đến hết ngày 1/2/2017.

b, Tết Âm lịch: Được nghỉ 07 ngày từ ngày 26/01/2017 đến hết ngày 1/2/2017 (nhằm ngày 29 tháng Chạp năm Bính Thân đến hết 05 tháng Giêng năm Đinh Dậu).

3. Các đơn vị, cá nhân trước khi nghỉ Tết cần chú ý:

- Hoàn thành các nhiệm vụ, kế hoạch nhà trường đã thông báo.

- Tổ chức vệ sinh phòng làm việc, khu giảng đường, phòng thí nghiệm, kiểm tra và ngắt các thiết bị chiếu sáng, máy móc, thiết bị văn phòng và thwucj hiện niêm phong tủ cá nhân, tủ tài liệu, cửa ra vào phòng làm việc của đơn vị.

- Treo cờ Tổ quốc trong thời gian nghỉ Tết tại các cơ sở của Trường.

4. Đối với đơn vị bảo vệ tại các cơ sở:

- Thường xuyên kiểm tra nghiêm ngặt trong ngày lễ, không tụ tập, gây ồn ào, mất trật tự, đảm bảo vệ sinh, an toàn và mỹ quan tại các cơ sở chủ Trương.

Căn cứ kế hoạch trên, đề nghị các đơn vị trong toàn trường theo chức năng nhiệm vụ của mình có trách nhiệm thực hiện thông báo.

Nơi nhận

- Các đơn vị

- Lưu: TCHC

Hiệu trưởng

(ký và ghi rõ họ tên)

Tuần 35

ÔN TẬP KIẾN THỨC HỌC KỲ 2

I. PHẦN VĂN BẢN

1. Các tác phẩm thơ hiện đại Việt Nam giai đoạn 1900 -1945:

VĂN BẢN	TÁC GIẢ	THỂ LOẠI	NỘI DUNG CHỦ YẾU
Nhớ rừng	Thế Lữ	Thơ tự do 8 chữ	Mượn lời con hổ bị nhốt trong vườn bách thú để diễn tả nỗi chán ghét thực tại tù túng, tầm thường và niềm khao khát tự do mãnh liệt. (kín đáo bộc lộ tình cảm yêu nước, niềm khát khao thoát khỏi cảnh đời nô lệ).
Quê hương	Tế Hanh	Thơ tự do	Bức tranh tươi sáng, sinh động về một làng quê miền biển, nổi bật lên hình ảnh khôe khoắn, đầy sức sống của người dân. Qua đó ta thấy được tình cảm yêu quê hương của nhà thơ.
Khi con tu hú	Tố Hữu	Thơ lục bát	Thể hiện một tình yêu cuộc sống tha thiết, niềm khát khao tự do cháy bỏng của người chiến sĩ cách mạng khi bị giam cầm trong nhà tù thực dân.
Tức cảnh Pác Bó	Hồ Chí Minh	Thơ thất ngôn tứ tuyệt	Phong thái ung dung và tình yêu thiên nhiên vô bờ của Bác Hồ trong cuộc sống cách mạng đầy gian khổ ở Pác Bó.
Ngắm trăng	Hồ Chí Minh	Thơ thất ngôn tứ tuyệt	Tình yêu thiên nhiên đến say mê và phong thái ung dung của Bác Hồ ngay cả trong cảnh ngục tù cực khổ tối tăm.
Đi đường	Hồ Chí Minh	Thơ thất ngôn tứ tuyệt	Từ việc đi đường núi gợi ra chân lí: vượt qua gian lao chông chênh sẽ đi tới thắng lợi vẻ vang.

2. Các tác phẩm nghị luận trung đại:

VĂN BẢN	TÁC GIẢ	THỂ LOẠI	NỘI DUNG CHỦ YẾU
Chiếu dời đô	Lí Công Uẩn	Chiếu	Phản ánh khát vọng của nhân dân về một đất nước độc lập
Hịch tướng sĩ	Trần Quốc Tuấn	Hịch tướng sĩ	-Phản ánh tinh thần yêu nước nồng nàn của dân tộc ta trong cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, thể hiện qua lòng căm thù xâm lược. -Nêu vấn đề nhận thức và hành động trước nguy cơ đất nước bị xâm lược.
Nước Đại Việt ta	Nguyễn Trãi	Cáo	Nước Đại Việt ta có ý nghĩa như bản tuyên ngôn độc lập: nước ta là đất nước có có văn hiến lâu đời, lãnh thổ riêng, phong tục riêng, lịch sử riêng, chế độ, chủ quyền riêng. Kẻ xâm lược là phản nhân nghĩa,

			nhất định thất bại.
Bàn luận về phép học	Nguyễn Thiếp	Tấu	Bàn luận về phép học giúp ta hiểu mục đích của việc học là để làm người có đạo đức, có tri thức, góp phần vào hưng thịnh đất nước chứ không phải để cầu danh lợi. Muốn học tốt phải có phương pháp, học cho rộng nhưng phải nắm cho gọn, đặc biệt học phải đi đôi với hành.

3. Bài luyện tập:

3.1. Học thuộc lòng và đọc diễn cảm các bài thơ: Nhớ rừng, Khi con tu hú, Tức cảnh Pác Bó, Ngắm trăng, Đi đường.

3.2. Dựa vào những yếu tố nào để Nguyễn Trãi có thể khẳng định Nước Đại Việt là một nước độc lập, tự chủ?

3.3. Theo Nguyễn Thiếp, mục đích chân chính của việc học là gì?

II. PHẦN TIẾNG VIỆT

Các kiểu câu chia theo mục đích nói:

STT	Kiểu câu	Chức năng chính	Chức năng khác	Đặc điểm hình thức
1	Nghi vấn	Dùng để hỏi Vd: Bạn làm gì đấy?	- Khẳng định Vd: Nam mà không giỏi à? - Phủ định Vd: Nam mà giỏi à ? - Câu khiến Vd: Cho tớ mượn bút được chứ? - Bộc lộ tình cảm cảm xúc Vd: Những người muôn năm cũ, Hồn ở đâu bây giờ? - Đe dọa Vd: Mày muốn chết hả?	- Khi viết kết thúc bằng dấu chấm hỏi - Có từ nghi vấn, gồm: + Các đại từ nghi vấn: Ai, gì, nào, đâu, bao nhiêu, bao giờ, sao, tại sao, như thế nào.... + Tình thái từ nghi vấn: à, ư, nhỉ, chẳng, chứ, hà... + Các cặp từ: đã...chưa, có...không..., có phải ... không + Quan hệ từ “hay” “hoặc” dùng để nói các vế có quan hệ lựa chọn/
2	Câu khiến	Chức năng chính: Dùng để ra lệnh, yêu cầu, đề nghị, khuyên bảo...	Không có	- Khi viết câu cầu khiến thường kết thúc bằng dấu chấm than. Nhưng khi ý cầu khiến không nhấn mạnh thì có thể kết thúc bằng dấu chấm. - Thường có các từ cầu khiến như: hãy, đừng, chớ, đi, thôi, nào, hè... hay ngủ điểu cầu khiến.
3	Cảm thán	Đề bộc lộ cảm xúc trực tiếp của người nói (viết), xuất hiện chủ yếu trong ngôn ngữ nói hàng ngày hay trong ngôn ngữ văn chương.	Không có	- Khi viết câu cảm thán thường kết thúc bằng dấu chấm than - Thường có các từ cảm thán như: ôi, than ôi, hỡi ôi, hỡi ơi, chao ôi, trời ơi, chao ơi, thay, biết bao, xiết bao, biết chừng nào.
4	Trần thuật	Dùng để kể, thông báo, nhận định, miêu tả,...		- Khi viết câu trần thuật thường kết thúc bằng dấu chấm. Đôi khi câu trần

		*Lưu ý: Cần phân biệt một số câu trần thuật có sử dụng từ nghi vấn, từ cầu khiến, dấu chấm than.	Dùng giới thiệu, hứa hẹn, cầu khiến, bộc lộ cảm xúc, hỏi,...	thuật kết thúc bằng dấu chấm than, chấm lửng - Câu trần thuật được dùng phổ biến nhất trong giao tiếp và tạo lập văn bản.
5	Câu phủ định	- Thông báo xác nhận không có sự vật sự việc tính chất quan hệ nào đó (PĐ miêu tả). VD: Tôi không ăn cơm. - Phán bác một ý kiến, một nhận định(PĐ bác bỏ). VD: Lá rớt rơi nhiều đâu phải bởi mùa thu.		- Thường có các từ phủ định như: không, chưa, chẳng, chả, không phải (là), chẳng phải (là), đâu có phải là, đâu có..., đâu có phải...

Tuần 36

ÔN TẬP KIẾN THỨC HỌC KỲ 2 (tiếp theo)

III. PHẦN TẬP LÀM VĂN

1. Viết đoạn văn nghị luận xã hội:

1. Về hình thức:

- Yêu cầu viết đoạn văn 150-200 chữ, trình bày trong 1 đoạn văn (không được ngắt xuống dòng)

2. Về nội dung :

- Đoạn văn phải đầy đủ các ý chính. Cụ thể: Câu mở đoạn có tác dụng dẫn dắt vấn đề. Các câu sau triển khai cho câu chủ đề. Đoạn văn nên có 1 câu kết, nêu ý nghĩa, rút ra bài học, hoặc cảm xúc, quan điểm cá nhân về vấn đề đang bàn luận.

- Đoạn văn nghị luận về tư tưởng đạo lí cần có các ý : Giải thích (*Là gì? Như thế nào? Biểu hiện cụ thể?*), Phân tích, chứng minh (*tại sao nói như thế?*), Bình luận, Mở rộng vấn đề, Bác bỏ (phê phán) những biểu hiện sai lệch, Nêu ý nghĩa, rút ra bài học nhận thức và hành động.

- Đoạn văn nghị luận về hiện tượng đời sống cần có các ý : Nêu hiện tượng (đó là hiện tượng gì ? biểu hiện? mức độ ?). Phân tích tác dụng/ tác hại của hiện tượng trên, bàn luận về nguyên nhân, giải pháp,...Nêu bài học sâu sắc với bản

thân. Học sinh cần có cách viết linh hoạt theo yêu cầu của đề bài, tránh làm bài máy móc hoặc chung chung.

Một số đề bài luyện tập viết đoạn văn:

Đề 1: “ *Tấm gương là người bạn chân thành suốt đời mình, không bao giờ biết xu nịnh ai dù đó là kẻ vương giả uy quyền hay giàu sang hãnh tiến. Dù gương có tan xương nát thịt thì vẫn vẹn nguyên tấm lòng ngay thẳng trong sạch như từ lúc mẹ cha sinh ra nó*”

(Theo Băng Sơn – U tôi)

Hãy viết một đoạn văn (từ 150 đến 200 chữ) trình bày suy nghĩ của em về vấn đề gợi ra trong đoạn trích trên.

Đề 2: Ai cũng có ước mơ, khát vọng. Ước mơ của em là gì? Em hãy viết một đoạn văn (từ 150 đến 200 chữ) trình bày suy nghĩ của mình về vấn đề ấy.

2. Viết bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội:

*** Dàn ý khái quát:**

I. Mở bài: Dẫn dắt nêu vấn đề cần nghị luận (và trích dẫn đề nếu có).

II. Thân bài:

- Giải thích (từ ngữ, khái niệm,...)
- Nêu biểu hiện
- Bàn luận: (phân tích vai trò, ý nghĩa, nguyên nhân, hậu quả, đưa ra dẫn chứng,...)
- Phê phán hành vi sai trái
- Rút ra bài học nhận thức và hành động đúng

III. Kết bài:

- Khẳng định lại vấn đề nghị luận
- Liên hệ bản thân.

*** Một số đề luyện tập:**

Đề 1: Hãy viết bài văn trình bày suy nghĩ của em về *tấm lòng nhân hậu trong cuộc sống*.

Gợi ý:

*** Giải thích:** Nhân hậu là lòng tốt của con người đối với nhau.

* **Biểu hiện:** Là biểu hiện của những đức tính tốt đẹp, thương yêu giúp đỡ nhau giữa người với người trong cuộc sống (dẫn chứng). Lòng nhân hậu là một phẩm chất cần thiết ở một con người chân chính.

* **Bàn luận, mở rộng vấn đề:**

- Trong cuộc sống, cần có tấm lòng nhân hậu của con người với con người. Đó là lối sống có trước có sau, biết làm việc thiện, giàu lòng vị tha. Chính điều ấy sẽ tạo nên một cuộc sống xã hội, gia đình tràn ngập hạnh phúc, tình thương yêu, nhân ái. Mọi người sống hiền hòa, vui vẻ, bao dung, hiểu nhau.

- Người có tấm lòng nhân hậu là người sẵn lòng giúp đỡ, sẵn lòng chia sẻ với người khốn khó, tha thứ lỗi lầm của người khác, kể cả những người không thân thuộc. Người có lòng nhân hậu biết chấp nhận con người không hoàn hảo, cái riêng của người khác như chấp nhận chính bản thân mình, biết dùng tình thương yêu, chia sẻ để cảm hóa. Lòng nhân hậu khiến ta nghĩ đến điều thiện, có sự giúp đỡ, làm vơi nhẹ gánh nặng của nhiều người.

- Nếu cuộc sống thiếu tấm lòng nhân hậu thì trong xã hội sẽ chỉ còn những mưu toan, tính toán, những hằn học, bon chen và sự vô cảm thiếu tình người.

- Tuy nhiên lòng nhân hậu cũng cần đặt đúng chỗ. Có như thế mới phân biệt được thiện ác trong cuộc đời.

* **Bài học nhận thức và hành động:**

- Cần có tấm lòng nhân hậu trong cuộc sống. Mọi người trong gia đình, xã hội cần biết quan tâm, đối xử tốt với nhau, giúp đỡ nhau trong những tình huống cuộc sống.

- Cần tìm hiểu những người xung quanh mình. Có những hành động thiết thực của mình từ chính gia đình, nhà trường, xã hội.

Đề 2: Nêu suy nghĩ của em về câu tục ngữ: “*Một điều nhịn là chín điều lành*”.

Gợi ý:

* **Giải thích ý nghĩa câu nói:**

- *Nhịn*: là nhịn nhường, biết kiềm chế nóng giận, biết lắng nghe ý kiến của người khác, luôn giữ được hoà khí trong giao tiếp, ứng xử, tránh xung khắc đối đầu.

- *Lành*: kết quả tốt đẹp, thoả đáng, đúng như mong muốn.

- *Một, chín*: những con số có tính chất ước lệ.

- *Cả câu*: Cha ông ta khuyên trong cuộc sống nên biết nhường nhịn, nhẫn nhịn để tạo mối quan hệ tốt lành, thân ái.

*** Bàn luận, mở rộng vấn đề:**

- Khẳng định mặt đúng của câu tục ngữ: Câu tục ngữ thể hiện một quan niệm xử thế đúng đắn của cha ông ta. Bởi vì cuộc sống vốn đa dạng phức tạp. Một con người thường có rất nhiều mối quan hệ khác nhau (trong gia đình, ngoài xã hội). Muốn phát triển, con người phải biết đoàn kết hợp tác với nhau để tăng cường sức mạnh, đem lại hiệu quả cao nhất. Sự hoà thuận trong giao tiếp là vô cùng cần thiết vì đó là cách ứng xử có hiệu quả, là phương châm sống tốt nhất. (Thí sinh cần nêu và phân tích được các dẫn chứng thực tế trong gia đình, ngoài xã hội để chứng minh).

- Tuy nhiên cần thấy rằng câu tục ngữ chỉ nêu lên một cách rất chung chung. Trong thực tế đời sống, không phải sự nhẫn nhịn, nhún nhường bao giờ cũng là giải pháp tốt nhất. Khi đối mặt với cái xấu, cái ác thì sự nhẫn nhịn lại đồng nghĩa với thái độ hèn nhát, nhu nhược, lại trở thành tiêu cực vì nó cản trở sự vươn lên, hoàn thiện của bản thân mỗi người cũng như của cả cộng đồng. (Thí sinh cần nêu và phân tích được các dẫn chứng thực tế để chứng minh).

*** Bài học nhận thức và hành động:**

- Tuỳ từng tình huống, hoàn cảnh, đối tượng cụ thể để lựa chọn cách ứng xử phù hợp.

- Trong giao tiếp cần có thái độ mềm dẻo, bình tĩnh nhưng có chừng mực, có nguyên tắc.

- Quyết tâm chống lại cái ác, bảo vệ cái thiện, không làm ngơ trước những việc bất bình, phi pháp; mạnh dạn phê phán những thái độ, việc làm không đúng của mọi người xung quanh.

Chúc các em học tốt!
